TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/KDTM-ST
Ngày: 07-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Hạnh

Ông Lê Quốc Quân

***-Thư ký phiên tòa*:** bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Bùi Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2026/TLST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Công ty TNHH T.

Địa chỉ: số B V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1991; nơi cư trú: số B V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

-*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ).

Địa chỉ: thửa đất số 610, tờ bản đồ số 7, đường Đ, tổ I, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) là doanh nghiệp chuyên kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng các thiết bị, vật liệu trong lĩnh vực xây dựng.

Ngày 16/9/2024, Công ty T và Chi nhánh V - Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) có ký Hợp đồng kinh tế số 092024/HĐMB/NĐP- ĐC. Theo đó, Công ty T đồng ý cung cấp gạch Terrazzo 40 x 40 x 3cm bề mặt đá mài bóng cho Công ty Đ với đơn giá, số lượng cụ thể theo từng lần đặt hàng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 092024/HĐMB/NĐP- ĐC ngày 16/9/2024, Công ty Đ còn nợ chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty T. Cụ thể, theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 12/11/2024 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 38 ngày 14/11/2024, Công ty Đ chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty T với số tiền 100.671.520đồng.

Trước sự việc đó, Công ty T đã nhiều lần gửi yêu cầu thanh toán đến Công ty Đ. Tính đến nay, Công ty Đ mới chỉ thanh toán cho Công ty T số tiền 10.000.000đồng vào ngày 10/6/2025.

Nhận thấy, việc Công ty Đ không thực hiện thanh toán số tiền hàng 90.671.520đồng còn lại cho Công ty T là trái với quy định của pháp luật. Chi nhánh V - Công ty Cổ phần Đ là đơn vị phụ thuộc Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ).

Vì những lẽ trên, Công ty T khởi kiện Công ty Đ đến Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết: buộc Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ) thanh toán cho Công ty T số tiền 90.671.520đồng.

Sau khi Công ty T khởi kiện thì Công ty Đ mới thanh toán cho Công ty T thêm số tiền 20.000.000đồng, còn nợ số tiền 70.671.520đồng. Do đó, yêu cầu Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ) thanh toán cho Công ty T số tiền 70.671.520đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Đ theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty N tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là gạch Terrazzo. Bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xét thấy, giữa Công ty T và Công ty Đ - Chi nhánh V có quan hệ mua bán theo Hợp đồng kinh tế số 092024/HĐMB/NĐP- ĐC ngày 16/9/2024. Theo đó, Công ty T bán hàng hoá là gạch Terrazzo 40 x 40 x 3cm cho Công ty Đ. Quá trình mua bán, Công ty T đã giao hàng cho Công ty Đ và đã xuất hoá đơn số 38 ngày 14/11/2024, với tổng số tiền 100.671.460đồng. Ngày 12/11/2024, hai bên đã lập bảng đối chiếu công nợ, theo đó, Công ty Đ xác nhận số tiền còn nợ là 100.671.520đồng và đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 30.000.000đồng, số tiền chưa thanh toán là 70.671.520đồng. Việc Công ty Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty N số tiền còn nợ 70.671.520đồng là có cơ sở.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 70.671.520đồng, tương đương số tiền án phí 3.533.576đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 70.671.520đồng (Bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần Đ) phải nộp số tiền 3.533.576 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền 2.266.000đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004906 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung